

Số: 02/HD-HVPNVN

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2025

HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH PHỔ ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN VÀ SỰ TƯƠNG THÍCH VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Thực hiện kế hoạch số 119A/KH-HVPNVN ngày 14/3/2025 về việc xây dựng, chỉnh sửa các chính sách, quy định, tài liệu của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; Căn cứ vào tình hình thực tế, Ban Giám đốc hướng dẫn phân tích phổ điểm thi kết thúc học phần và sự tương thích với chuẩn đầu ra học phần. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 02/HD-HVPNVN ngày 15/8/2025. Nội dung hướng dẫn cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Nhằm phân tích thực trạng kết quả học tập, mức độ phù hợp của công cụ đánh giá; bộ câu hỏi đánh giá học phần, từ đó điều chỉnh, thiết kế công cụ đánh giá người học phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.
- Hướng tới vận dụng cao phương pháp đánh giá kết quả người học có độ giá trị, độ tin cậy cao và đảm bảo sự công bằng, khách quan.

2. Yêu cầu

- Việc phân tích phổ điểm thi kết thúc học phần và sự tương thích với chuẩn đầu ra học phần phải dựa trên số liệu và biểu đồ phổ điểm trên hệ thống chuyển đổi số (CDS) (phân hệ khảo thí), sử dụng các phương pháp thống kê và so sánh nhằm chỉ ra những điểm cần phát huy và điểm cần cải tiến.
- Báo cáo phân tích, trình bày dễ hiểu, rõ ràng giúp nhà quản lý, giảng viên và các đối tượng liên quan có thể đưa ra quyết định.
- Triển khai thực hiện đúng thời gian, quy mô trong mỗi Bộ môn như sau:
 - + Thực hiện sau khi kết thúc mỗi học kì: Kì 1 hoàn thành trước 31/01 hằng năm; Kì 2 hoàn thành trước ngày 10/8 hằng năm.
 - + Số lượng: Phân tích và thiết lập báo cáo cho tối thiểu 30% số học phần trong bộ môn hoặc ít nhất 5 học phần có giảng dạy trong học kì.
 - + Lưu trữ: Bộ môn lưu trữ phục vụ cải tiến công cụ đánh giá, nộp về Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng (KT&BDCL) để tổng hợp, báo cáo Ban Giám đốc sau khi phân tích.
 - + Phân tích phổ điểm theo thang điểm 10.

II. Hướng dẫn cụ thể

1. Căn cứ thực hiện

- Quy định về kiểm tra đánh giá học phần của Học viện: (Quyết định số 568/QĐ-HVPNVN ngày 29/5/2025 về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam).

- Các thông số thống kê cơ bản về điểm thi được thống kê trên hệ thống CDS: Điểm trung bình, điểm trung vị, điểm có nhiều thí sinh đạt được nhất, điểm thấp nhất, điểm cao nhất, tỷ lệ % sinh viên theo các mức kết quả, từ đó đưa ra các khuyến nghị cụ thể.

2. Các bước thực hiện

Bước 1: Trưởng/Phụ trách bộ môn thống nhất trong bộ môn để lựa chọn 30% số lượng học phần hoặc tối thiểu 5 học phần tiến hành phân tích phổ điểm trong kì – Bảng đề xuất phân tích phổ điểm các học phần (Tham khảo Phụ lục 1 đính kèm).

Bước 2: Tổ bộ môn phân công cho 01 giảng viên KHÔNG tham gia giảng dạy các học phần được lựa chọn để thực hiện phân tích phổ điểm và sự tương thích với chuẩn đầu ra học phần. Trong quá trình phân tích cần thực hiện đối sánh với các học kì trước (nếu có).

Bước 3: Trưởng/Phụ trách bộ môn truy cập vào cổng cán bộ -> Phân hệ khảo thí -> kết quả thi -> phổ điểm đơn vị đề xuất dữ liệu phổ điểm của các Học phần được lựa chọn phân tích phổ điểm và gửi cho các giảng viên được phân công để tiến hành phân tích phổ điểm.

Bước 4: Trưởng bộ môn rà soát, duyệt báo cáo của bộ môn;

Bước 5: Hội đồng khoa; ban hành báo cáo kết luận cải tiến.

3. Các thông số phân tích

3.1. Số lượng sinh viên: Tổng số sinh viên đủ điều kiện dự thi; Số lượng sinh viên tham gia thi; Số lượng sinh viên không tham gia thi.

3.2. Điểm trung bình (Mean)

- *Khái niệm:* Là trung bình chung các giá trị điểm thi của sinh viên đạt được trong từng Học phần, cho biết mức độ thành tích chung của tất cả sinh viên.

- *Công thức:*

$$\bar{X} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n X_i$$

Trong đó: n là số lượng các phần tử trong tập hợp điểm; X_i : biểu diễn bất kỳ giá trị nào trong tập các giá trị n ($i = 1, 2, \dots, n$); Σ = Sigma, ký hiệu phép tổng.

- *Ý nghĩa*: Giá trị trung bình cung cấp một cái nhìn tổng quát về mức điểm trung bình mà các sinh viên đạt được; có thể được sử dụng để so sánh thành tích học tập của các lớp học khác nhau hoặc giữa các kỳ thi khác nhau; có thể cho thấy xu hướng về chất lượng giảng dạy, mức độ khó của đề thi, hoặc sự tiến bộ chung của sinh viên. Cụ thể hơn như sau:

+ *Chất lượng giảng dạy*: Điểm trung bình cao ở nhiều lớp/kỳ thi khác nhau thường phản ánh phương pháp giảng dạy hiệu quả, giảng viên truyền đạt tốt, sinh viên nắm bắt kiến thức vững vàng; Điểm trung bình thấp có thể gợi ý rằng phương pháp giảng dạy chưa phù hợp, sinh viên chưa thực sự hiểu bài, hoặc cần có sự hỗ trợ bổ sung (tài liệu, phương pháp học tập, thời lượng trên lớp).

+ *Mức độ khó của đề thi*: Đề thi khó thường dẫn đến điểm trung bình thấp hơn, ngay cả khi chất lượng giảng dạy không đổi. Đề thi dễ thường làm tăng điểm trung bình, nhưng lại chưa chắc phản ánh đúng năng lực thực sự của sinh viên. → Vì vậy, khi phân tích điểm trung bình, cần đặt nó trong bối cảnh so sánh cùng loại đề, cùng chuẩn đầu ra.

+ *Sự tiến bộ của sinh viên*: So sánh điểm trung bình qua các học kỳ hoặc giữa các nhóm sinh viên theo thời gian giúp nhận diện xu hướng tiến bộ: nếu điểm trung bình tăng dần, chứng tỏ sinh viên tích lũy kiến thức tốt hơn, có sự phát triển về năng lực. Ngược lại, nếu điểm trung bình giảm, cần xem xét nguyên nhân từ chất lượng giảng dạy, độ khó đề thi hay động lực học tập của sinh viên.

3.3. Trung vị (Median)

- *Khái niệm*: Là giá trị đứng ở giữa dãy số liệu đã được sắp xếp theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.

- *Cách tính*:

Nếu n lẻ:

$$\text{Median} = x_{\frac{n+1}{2}}$$

Trong đó: x là giá trị của số hạng; n là số lượng các phần tử trong tập hợp điểm; $(n+1)/2$ là vị trí của số ở giữa.

Nếu n chẵn:

$$\text{Median} = \frac{x_{\frac{n}{2}} + x_{\frac{n}{2}+1}}{2}$$

Trong đó: x là giá trị của số hạng; n là số lượng các phần tử trong tập hợp điểm; $n/2$ là vị trí của số thứ nhất; $n/2+1$ là vị trí của số thứ hai; Lấy tổng hai số này chia 2 để có trung vị.

- *Ý nghĩa*: Cung cấp thông tin về vị trí trung tâm của tập dữ liệu điểm thi, đặc biệt khi dữ liệu có sự phân tán không đồng đều hoặc xuất hiện các giá trị ngoại lệ; giúp

nhà phân tích hoặc giảng viên hiểu rõ hơn về mức độ phổ biến của điểm thi, từ đó nhận biết liệu phần lớn sinh viên có đang đạt kết quả tốt hay không. Nếu trung vị và trung bình bằng nhau hoặc tiệm cận nhau thể hiện dữ liệu điểm có xu hướng phân phối chuẩn. Giải thích cụ thể hơn như sau:

- + Trung vị phản ánh “điểm giữa” thay vì “trung bình”: Trung vị cho biết vị trí điểm số ở giữa tập dữ liệu sau khi sắp xếp, nghĩa là có 50% sinh viên đạt điểm thấp hơn hoặc bằng trung vị và 50% sinh viên đạt điểm cao hơn hoặc bằng trung vị. Khác với trung bình, trung vị ít bị ảnh hưởng bởi các giá trị ngoại lệ (ví dụ: một số sinh viên có điểm quá cao hoặc quá thấp).

- + Liên quan đến mức độ phổ biến của điểm: Trung vị thường gần với “khoảng điểm mà nhiều sinh viên đạt được nhất” khi dữ liệu có phân phối tương đối đối xứng. Nếu trung vị cao, điều đó cho thấy đa số sinh viên nằm ở mức điểm khá/tốt trở lên. Nếu trung vị thấp, điều đó phản ánh phần lớn sinh viên tập trung ở mức điểm thấp, ngay cả khi vẫn có một số ít đạt điểm cao.

- + Đánh giá xem phần lớn sinh viên có kết quả tốt hay không: Ta cần so trung vị và trung bình: Nếu trung bình $\approx$ trung vị, dữ liệu phân phối tương đối chuẩn, có nghĩa phần lớn sinh viên đạt điểm xoay quanh mức đó. Nếu trung bình $>$ trung vị, có thể có một số sinh viên đạt điểm rất cao, kéo trung bình lên, nhưng thực tế phần lớn sinh viên chưa đạt kết quả tốt. Nếu trung bình $<$ trung vị, có thể tồn tại một số điểm rất thấp, kéo trung bình xuống, nhưng nhìn chung đa số sinh viên vẫn đạt kết quả khá trở lên.

Ví dụ: Một lớp có trung vị 7.0 nghĩa là ít nhất 50% sinh viên đạt từ 7.0 trở lên. Đây là bằng chứng rõ ràng rằng phần lớn sinh viên đang ở mức khá. Nếu trung bình 7.8 nhưng trung vị chỉ 6.5, thì phần lớn sinh viên thật ra chỉ đạt mức trung bình – khá, còn điểm cao chỉ tập trung ở một nhóm nhỏ.

3.4. Số trội (Mode)

- *Khái niệm*: Là điểm thi số có số lần xuất hiện nhiều nhất trong tập dữ liệu điểm thi.

- *Cách tính*: Tính tần suất xuất hiện của các giá trị trong tập dữ liệu và chọn giá trị xuất hiện nhiều nhất.

- *Ý nghĩa*: Số trội giúp nhận diện xu hướng chung của người học trong một kỳ thi. Giải thích cụ thể như sau:

- + Nếu số trội cao (ví dụ 8 hoặc 9), có thể kết luận rằng phần lớn sinh viên tập trung ở mức điểm khá – giỏi, nghĩa là xu hướng học tập và kết quả thi nhìn chung là tích cực.

- + Nếu số trội thấp (ví dụ 4 hoặc 5), chứng tỏ nhiều sinh viên bị dồn về mức điểm yếu – trung bình, phản ánh xu hướng lớp học chưa đạt chuẩn đầu ra mong đợi.

- + Khi có nhiều số trội (multi-mode), điều đó cho thấy dữ liệu điểm phân tán, có thể tồn tại nhiều nhóm sinh viên khác nhau: nhóm học lực yếu, nhóm trung bình, và

nhóm khá giỏi – điều này giúp giảng viên hiểu được sự khác biệt trong trình độ và có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

3.5. Điểm thấp nhất (Min) và điểm cao nhất (Max)

- *Khái niệm*: Là các giá trị điểm thấp nhất hoặc cao nhất mà sinh viên đạt được trong tập dữ liệu điểm thi (tính theo từng Học phần).

- *Ý nghĩa*: Giúp đánh giá phân hóa kết quả học tập, sự đa dạng kết quả học tập của sinh viên; Giúp nhận định về khả năng của sinh viên ở mức thấp nhất hoặc cao nhất đạt được. Cụ thể như sau:

+ Đánh giá sự phân hóa kết quả học tập: Điểm thấp nhất cho thấy mức độ hạn chế trong kết quả học tập của sinh viên, còn điểm cao nhất phản ánh năng lực vượt trội. Sự chênh lệch giữa Min và Max càng lớn thì mức độ phân hóa càng cao.

+ Xác định độ khó và độ bao phủ của đề thi: Nếu đề thi được thiết kế tốt, thường sẽ có sinh viên đạt điểm thấp (do chưa nắm chắc kiến thức) và sinh viên đạt điểm cao (do có năng lực vượt trội). Nếu toàn bộ sinh viên đều đạt điểm gần nhau, đề có thể chưa phân loại tốt.

+ Đưa ra tín hiệu điều chỉnh giảng dạy và đánh giá: Nếu điểm thấp nhất quá thấp (ví dụ 0 hoặc 1 điểm), giảng viên cần xem xét có phải do nội dung giảng dạy, phương pháp, hay đề thi quá khó. Nếu điểm cao nhất thấp hơn mức mong đợi (ví dụ dưới 8/10), có thể đề thi quá khó hoặc chưa bám sát mục tiêu đào tạo.

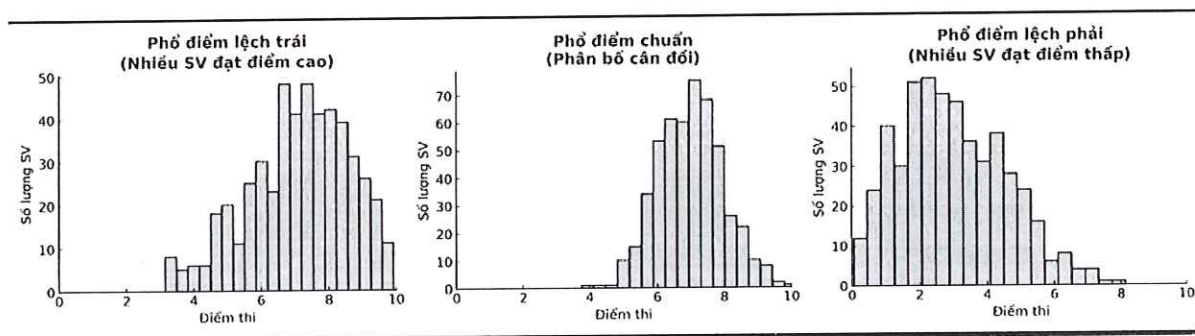
3.6. Phổ điểm thi

- *Khái niệm*: là biểu đồ thể hiện sự phân bố của điểm số mà sinh viên đạt được trong một kỳ thi. Trục ngang biểu thị các mức điểm hoặc các nhóm điểm thi. Trục dọc biểu thị số lượng sinh viên đạt được mức điểm tương ứng.

- *Ý nghĩa*: Giúp dễ dàng thấy được các mức điểm mà sinh viên đạt được; Giúp thấy được xu hướng chung về kết quả thi của sinh viên (mức độ phân tán, tập trung của điểm số, độ lệch của dải điểm số); Cụ thể như sau:

+ Nhìn tổng thể: Ta dễ dàng thấy có nhiều sinh viên đạt mức nào nhất (ví dụ, nhiều sinh viên đạt 7–8 điểm thì đó là mức phổ biến).

+ Đánh giá mức độ phân hóa: Nếu phổ điểm trải dài (có cả điểm thấp và điểm cao), nghĩa là kết quả phân tán, đề thi có tính phân loại tốt. Nếu phổ điểm dồn cục một chỗ (chỉ quanh 7–8 điểm), nghĩa là lớp học đồng đều hoặc đề thi ít phân loại. Qua phổ điểm, ta thấy bức tranh chung: lớp nghiêng về khá – giỏi, hay trung bình – yếu, từ đó giảng viên có cơ sở để điều chỉnh cách dạy và ra đề sau này.



- Lệch trái → Nhiều sinh viên đạt điểm cao, chỉ ít sinh viên điểm thấp.
- Chuẩn (hình chuông) → Phân bố cân đối, đề thi có tính phân loại tốt.
- Lệch phải → Nhiều sinh viên đạt điểm thấp, chỉ ít sinh viên điểm cao.

+ Phổ điểm thi phản ánh mức độ đạt chuẩn đầu ra: Mỗi học phần đều có chuẩn đầu ra (ví dụ: Sinh viên phải nắm vững kiến thức cơ bản, vận dụng để giải quyết tình huống, hoặc đạt kỹ năng phân tích, sáng tạo...). Bài thi kết thúc học phần chính là công cụ để đo lường mức độ đạt được CĐR đó. Do vậy, phổ điểm thi (sự phân bố điểm của cả lớp) cho thấy SV trong lớp đã đạt đến mức nào so với CĐR: Nếu phần lớn SV đạt điểm cao → nhiều SV đạt hoặc vượt CĐR. Nếu phổ điểm dồn ở mức thấp → cho thấy SV chưa đạt CĐR, cần điều chỉnh giảng dạy, học liệu hoặc phương pháp kiểm tra.

+ Phổ điểm thi giúp kiểm tra độ phù hợp của đề thi với CĐR: Đề thi cần thiết kế để kiểm tra đúng các mức độ theo CĐR (ví dụ: Nhận biết – Hiểu – Vận dụng – Phân tích). Nếu phổ điểm quá lệch về một phía: (1) Tất cả SV đều cao → có thể đề thi chỉ kiểm tra kiến thức cơ bản, chưa bao phủ đủ CĐR (chưa phân loại); (2) Tất cả SV đều thấp → có thể đề thi quá khó, vượt xa CĐR, khiến đa số SV không thể hiện được năng lực thực sự.

+ Ý nghĩa khi đối chiếu với chuẩn đầu ra (CĐR):

- Phổ điểm lệch trái: Đa số sinh viên đạt khá – giỏi → có khả năng CĐR của học phần được đảm bảo. Tuy nhiên, cần quan tâm nhóm yếu.
- Phổ điểm lệch phải: Đa số sinh viên chưa đạt mức điểm khá trở lên → nguy cơ chưa đạt CĐR. Cần điều chỉnh giảng dạy, học liệu, hỗ trợ bổ sung.
- Phân phối chuẩn: Phổ điểm cân đối, có cả nhóm yếu – trung bình – khá – giỏi → đề thi có tính phân loại tốt, phản ánh khách quan.

+ Ví dụ minh họa: Chuẩn đầu ra học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học” gồm: (1) Hiểu khái niệm cơ bản về NCKH; (2) Biết xây dựng đề cương nghiên cứu; (3) Có khả năng phân tích số liệu và viết báo cáo. Kết quả thi cuối kỳ cho thấy: Nhiều SV đạt điểm cao ở phần lý thuyết (hiểu khái niệm). Nhưng phổ điểm rơi xuống thấp ở phần xử lý số liệu → Điều này chứng tỏ SV mới đạt được CĐR 1 và 2, nhưng chưa đạt CĐR 3 → Giảng viên cần bổ sung thực hành xử lý số liệu, hoặc đổi cách ra đề để hỗ trợ SV đạt CĐR còn thiếu.

III. Khung báo cáo phân tích

1. Giới thiệu chung

- Viết khoảng nửa trang A4 nhằm nêu bức tranh tổng quát của học phần và tình hình sinh viên tham gia thi:

- Tên học phần:
- Mã học phần:
- Số tín chỉ:
- Bộ môn/Khoa:
- Học kỳ/Năm học:
- Số lượng sinh viên đăng ký:
- Số lượng sinh viên dự thi:
- Số lượng sinh viên không dự thi:

2. Kết quả phân tích

- Mô tả từng chỉ số và phân tích, đánh giá kèm theo.
 - + Điểm trung bình (Mean): ... → Ý nghĩa: phản ánh mức độ chung; so sánh giữa các lớp/kỳ.
 - + Trung vị (Median): ... → Ý nghĩa: phản ánh “điểm giữa” – mức độ phổ biến của điểm số.
 - + Số trội (Mode): ... → Ý nghĩa: nhận diện mức điểm xuất hiện nhiều nhất, cho thấy xu hướng chung.
 - + Điểm thấp nhất (Min): ...
 - + Điểm cao nhất (Max): ...
 - + Tỷ lệ sinh viên theo nhóm điểm:
 - Điểm A (8,5–10): ...%
 - Điểm B (7–<8,5): ...%
 - Điểm C (5,5–<7): ...%
 - Điểm D (4–<5,5): ...%
 - Điểm F (<4): ...%

- Chụp kết quả thống kê điểm thi và phổ điểm thi trên hệ thống chuyển đổi số: Nhận xét về độ tập trung, độ phân tán, sự lệch chuẩn của điểm.

3. Đối sánh với Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CĐR): CĐR 1: ...CĐR 2: ...CĐR 3: ...

Mức độ đạt được (qua phân tích phổ điểm và cấu trúc đề thi):

CĐR 1: ...% SV đạt yêu cầu → Nhận xét ...

CĐR 2: ...% SV đạt yêu cầu → Nhận xét ...

CĐR 3: ...% SV đạt yêu cầu → Nhận xét ...

.....

Nhận định tổng quát: Nếu phần lớn SV đạt điểm cao ở các nội dung gắn với CĐR → CĐR được đảm bảo. Nếu phổ điểm lệch thấp ở một số nội dung → CĐR chưa đạt, cần điều chỉnh giảng dạy/đề thi.

4. Kết luận và khuyến nghị

Căn cứ vào kết quả phân tích đề xuất/khuyến nghị theo các nội dung sau:

- Kết luận chung

+ Tình hình kết quả học tập của SV ...

+ Mức độ phù hợp giữa phổ điểm và CĐR ...

+ Khuyến nghị cải tiến

- Với giảng viên: điều chỉnh phương pháp, bổ sung học liệu, tăng cường thực hành/thảo luận...
- Với đề thi: cân đối độ khó, bao phủ đủ các mức CĐR (Nhận biết – Hiểu – Vận dụng – Phân tích).
- Với quản lý: tăng cường kiểm định, tổ chức tập huấn ra đề và phân tích phổ điểm.

IV. Mẫu báo cáo phân tích Phổ điểm (Phụ lục đính kèm)

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc;
- Đăng Website Học viện;
- Lưu: VT, KT&BDCL.



GIÁM ĐỐC

PGS. TS. Trần Quang Tiến

PHỤ LỤC - MẪU BÁO CÁO
PHÂN TÍCH PHỔ ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN VÀ
SỰ TƯƠNG THÍCH VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

(Kèm theo Hướng dẫn số *02*/HD-HVPNVN ngày 09/9/2025)

I. Giới thiệu chung

Báo cáo trình bày kết quả phân tích phổ điểm thi và sự tương thích chuẩn đầu ra của Học phần:

Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: DHCT17

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Bộ môn/Khoa: Chính trị

Học kỳ/Năm học: Học kỳ II, Năm học 2024–2025

Số lượng sinh viên đăng ký: 170

Số lượng sinh viên dự thi: 166

Số lượng sinh viên không dự thi: 4

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản, có tính nền tảng về tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước, đồng thời hình thành năng lực vận dụng tư tưởng vào phân tích thực tiễn. Đây là học phần quan trọng để hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và bản lĩnh chính trị của sinh viên.

II. Kết quả phân tích phổ điểm

1. Số liệu thống kê cơ bản

- Điểm trung bình (Mean): 5,22

- Trung vị (Median): 5,25

- Số trội (Mode): 4,75

- Điểm thấp nhất (Min): 0,25

- Điểm cao nhất (Max): 8,75

2. Phân bố điểm số theo nhóm

- Dưới 4,0 (F): 61 sinh viên (36,7%)

- Từ 4,0 đến < 5,5 (D): 36 sinh viên (21,7%)

- Từ 5,5 đến < 7,0 (C): 32 sinh viên (19,3%)



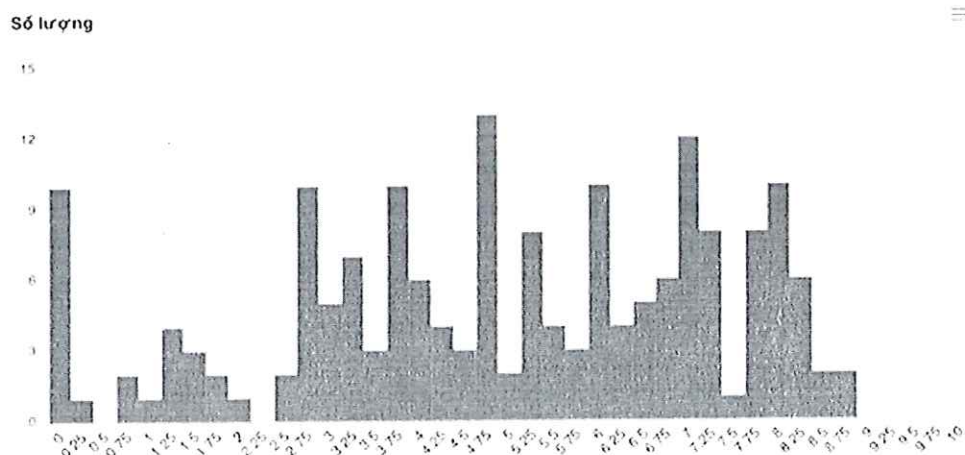
nguyễn

- Từ 7,0 đến < 8,5 (B): 45 sinh viên (27,1%)

- Từ 8,5 đến 10 (A): 4 sinh viên (2,4%)

3. Nhận xét từ biểu đồ phổ điểm

Bảng 1. Thống kê mô tả điểm thi và phổ điểm thi



Thí sinh		Điểm trung bình	Điểm trung vị	Điểm số có sinh đạt cao nhất
Đủ điều kiện dự thi	Tham gia thi			
170	166	5.22	5.25	4.75

Thống kê điểm số theo thang điểm						
Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Dưới 4 điểm (F)	Từ 4 đến dưới 5.5 (D)	Từ 5.5 đến dưới 7 (C)	Từ 7 đến dưới 8.5 (B)	Từ 8.5 (A)
0.25	8.75	61	36	32	45	4

- Độ tập trung: Điểm số tập trung nhiều ở khoảng từ 3,5 – 6,0; ít sinh viên đạt mức xuất sắc.

- Độ phân tán: Phổ điểm trải dài từ 0,25 đến 8,75 → mức độ phân hóa rõ rệt.

- Độ lệch: Phổ điểm lệch phải, nghĩa là phần lớn sinh viên có kết quả từ trung bình trở xuống, chỉ có số ít đạt điểm cao.

- Kết luận sơ bộ: Kết quả thi chưa thực sự khả quan, tỉ lệ sinh viên dưới trung bình (F và D) chiếm gần 60%. Điều này cho thấy cần xem xét lại mức độ phù hợp của đề thi, phương pháp dạy học, cũng như khả năng đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên.

III. Đối sánh với Chuẩn đầu ra học phần

1. Theo Đề cương chi tiết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, chuẩn đầu ra (CDR) gồm:

- Kiến thức: Hiểu biết hệ thống, cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm vững những nội dung cốt lõi, giá trị khoa học và thực tiễn.
- Kỹ năng: Biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phân tích thực tiễn cách mạng Việt Nam; có khả năng liên hệ với thực tiễn học tập và công tác.
- Thái độ: Hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học; bồi dưỡng niềm tin, thái độ chính trị đúng đắn, tinh thần trách nhiệm xã hội.

2. Đánh giá mức độ đạt CDR

- CDR 1 (Kiến thức): Kết quả thi cho thấy sinh viên nắm kiến thức cơ bản ở mức trung bình (Mean = 5,22; Median $\approx$ Mean). Tuy nhiên, số lượng dưới 4 điểm chiếm tới 36,7%, chứng tỏ nhiều sinh viên chưa đạt mức tối thiểu về nắm vững kiến thức.
- CDR 2 (Kỹ năng): Điểm số cao (>7) chỉ chiếm khoảng 29,5% $\rightarrow$ khả năng vận dụng, phân tích thực tiễn của sinh viên còn hạn chế. Chứng tỏ đề thi có thể đã bao gồm phần vận dụng nhưng sinh viên chưa đáp ứng tốt.
- CDR 3 (Thái độ): Khó đo lường trực tiếp qua điểm thi. Tuy nhiên, tỉ lệ sinh viên đạt khá – giỏi (B trở lên $\approx$ 29,5%) cho thấy có nhóm sinh viên đã hình thành năng lực tư duy và liên hệ tốt.

3. Nhận định tổng quát

- CDR học phần chưa đạt một cách toàn diện.
- Mặc dù một số sinh viên đạt mức khá – giỏi, nhưng số lượng lớn sinh viên dưới trung bình phản ánh:
 - + Phương pháp dạy học và ôn tập chưa bao phủ hết đối tượng.
 - + Đề thi có thể quá thiên về kiểm tra tái hiện kiến thức, chưa khuyến khích tư duy sáng tạo.
 - + Sinh viên chưa phát huy năng lực tự học và liên hệ thực tiễn.

IV. Kết luận và khuyến nghị cải tiến

1. Kết luận chung

- Kết quả thi học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh có phổ điểm lệch phải, cho thấy đa số sinh viên chỉ đạt mức trung bình hoặc thấp.
- Chuẩn đầu ra mới chỉ được đảm bảo một phần (chủ yếu ở nhóm sinh viên khá – giỏi), trong khi một tỉ lệ đáng kể chưa đạt yêu cầu.
- Cần có biện pháp cải tiến đồng bộ từ giảng dạy, học liệu đến kiểm tra đánh giá.

2. Khuyến nghị cải tiến

- Về giảng dạy:



ngf

+ Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường thảo luận, seminar, học tập tình huống.

+ Gắn bài giảng với thực tiễn sinh động, ví dụ cụ thể về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống xã hội hiện nay.

+ Tổ chức phụ đạo hoặc hỗ trợ thêm cho nhóm sinh viên yếu.

- Về đề thi và công cụ đánh giá:

+ Thiết kế đề thi đa dạng, có câu hỏi kiểm tra cả mức độ nhận biết – hiểu – vận dụng – phân tích.

+ Hạn chế đề quá nặng về ghi nhớ, tăng câu hỏi mở, liên hệ thực tế.

+ Cân đối độ khó để phân loại sinh viên nhưng không vượt quá yêu cầu của CĐR.

- Về học liệu:

+ Bổ sung tài liệu tham khảo dễ tiếp cận (giáo trình, tài liệu số, video minh họa).

+ Khuyến khích sinh viên đọc tài liệu gốc của Hồ Chí Minh kết hợp các công trình nghiên cứu hiện đại.

- Về quản lý và cải tiến hệ thống:

+ Tổ chức tập huấn giảng viên về phương pháp đánh giá theo CĐR.

+ Xây dựng ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa, bám sát CĐR.

+ Tăng cường sử dụng hệ thống phân tích số liệu (CĐS) để theo dõi xu hướng kết quả học tập nhiều năm.

(Tuỳ tính chất, đặc điểm, phát hiện trong phân tích để mở rộng thêm)

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ môn

(Ký, ghi rõ họ tên)



HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
KHOA...

**PHỤ LỤC 1: BẢNG ĐỀ XUẤT CÁC HỌC PHẦN TIẾN HÀNH PHÂN TÍCH PHỔ ĐIỂM
VÀ SỰ TƯƠNG THÍCH VỚI CĐR**

(Học kì năm học)

Khoa/Bộ môn đề xuất các học phần tiến hành phân tích phổ điểm và sự tương thích với
CĐR Học phần như sau:

STT	Bộ môn/HP	Mã HP	Đề xuất chọn để phân tích phổ điểm (đánh dấu tick nếu chọn)	Người thực hiện	Ghi chú
I	Bộ môn: ...				
1	HP:	...			
2	...				
....	...				
II	Bộ môn				
1	HP:	...			
2	...				
...	...				

Người lập

Hà Nội, ngày tháng năm 

Lãnh đạo khoa/bộ môn

